TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 647/2026/HS-PT
Ngày: 14-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

2/ Ông Đặng Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 606/2026/HSPT ngày 17/7/2026 đối với bị cáo Nguyễn Tiến P, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 814/2026/HS-ST ngày 08/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Tiến P**;** Sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: A, đường N, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Tiến C (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; Vợ: Bùi Thị Ngọc B, sinh năm 1996; Con: (Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh ngày 02/01/2026); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2026 đến ngày 14/01/2026 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:*

2/ Nguyễn Đức T1**;** Tên gọi khác: Không có; Sinh năm 1997; Tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi thường trú và cư trú: Khu dân cư B, thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1971 và bà Lê Thị B1, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2026 đến ngày 14/01/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Phạm Văn L**;** Tên gọi khác: Không có, sinh năm 1992; Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và cư trú: Số nhà H, tổ F, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Phạm Văn S, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2026 đến ngày 14/01/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Ngô Văn T2**;** Tên gọi khác: Không có; sinh năm 1983; Tại tỉnh An Giang; Nơi thường trú: Khu phố T, xã M, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: B đường B, KP Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Ngô Phước H (Chết) và bà Phạm Thị T3, sinh năm 1951; Vợ: Lý Thị Ngọc B2, sinh năm 1985; Con: Có 03 người con; Tiền sự: Ngày 04/01/2026 bị Công an phường T xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Tiền án: Không có; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2026. (Vắng mặt tại phiên tòa)

5/ Lê Văn P1**;** Tên gọi khác: Không có, sinh năm 1985; Tại thành phố Cần Thơ; Nơi thường trú: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: 5 đường Đ, khu phố Đ, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Lê Văn T4, sinh năm không rõ và bà Dương Thị H1, sinh năm không rõ; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Ngày 30/12/2025 bị Công an phường T xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Tiền án: Không có; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2026. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/01/2026, Nguyễn Tiến P đang ở tại quán B3 có địa chỉ số A N, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là quán bida của P thì Nguyễn Đức T1 gọi điện hỏi P có ai chơi đánh bài ăn tiền không thì P trả lời có, vì lúc này tại quán bida của P có Ngô Văn T2, Phạm Văn L và Lê Văn P1 đang chơi bida tại đây. Sau khi nghe điện thoại của T1 thì P1 hỏi những người này có ai đánh bài ăn tiền không thì tất cả đồng ý. Khoảng 30 phút sau, T1 đi đến quán

bida của P1 thì thấy có T2, L, P1 và Tiến P đang chơi bida. Tiến ngồi chơi đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì Tiến P, L, Văn P1 và T1 cùng nhau ra phía sau phòng bếp của quán để chơi đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi bài cào tố.

Hình thức đánh bạc như sau: Mỗi người chơi sẽ bỏ ra số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc (gọi là tiền tẩy), người chia bài sẽ phải bỏ số tiền 100.000 đồng (tiền tẩy). Các bị cáo sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá, chia đều cho những người chơi, mỗi người được chia 03 lá bài, người kế bên phải của người chia bài được quyền tố trước, quy định mỗi lượt tố chỉ được tố số tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng và không được tố quá 03 vòng chơi. Nếu bài người nào lớn nhất thì người đó thắng còn ai không tố thì úp bài. Đồng thời, trong khi chơi nếu người nào lên được bài sáp (tức lên được 03 lá bài giống nhau) thì những người còn lại phải chung cho người này số tiền 100.000 đồng. Cứ như vậy, nếu ván bài nào người chơi thắng số tiền trên 1.000.000 đồng thì sẽ xâu cho Tiến P (chủ quán) số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng tùy ván chơi và Tiến P sử dụng số tiền này để trả tiền thuốc lá, nước cho quán. Trong ván chơi, người nào thắng thì sẽ được chia bài và tiếp tục chơi như luật chơi đã quy định.

Khi đánh bạc, Nguyễn Tiến P bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng, Nguyễn Đức T1 bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng, Phạm Văn L bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng, T2 bỏ ra số tiền 4.100.000 đồng và Lê Văn P1 bỏ ra số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 9.700.000 đồng.

Các bị cáo chơi đến khoảng 02 giờ ngày 04/01/2026 thì Tiến P đi ngủ, lúc này Văn P1, T1, L và T2 tiếp tục chơi đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì T2 cũng vào phòng kho quán để ngủ. Đến khoảng 09 giờ, khi Tiến P ngủ dậy thì thấy L, T1 và Văn P1 đang chơi nên tiếp tục ngồi vào chơi đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày thì Lê Văn P1 thua hết tiền và bỏ đi về. L, T1 và Tiến P tiếp tục chơi đến khoảng 10 giờ 50 phút thì bị Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật có liên quan.

Kết quả xét nghiệm ma tuý: Nguyễn Tiến P, Lê Văn P1, Ngô Văn T2, Nguyễn Đức T1, Phạm Văn L âm tính với các chất ma tuý.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tiến P, Lê Văn P1, Ngô Văn T2, Nguyễn Đức T1 và Phạm Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 814/2026/HS-ST ngày 08/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến P: 01 (Một) năm tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án được trừ đi những ngày tạm giữ tạm giam

(04/01/2026 đến ngày 13/01/2026); Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tiến P 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức T1, Phạm Văn L, Ngô Văn T2 và Lê Văn P1, tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2026, bị cáo Nguyễn Tiến P có đơn kháng cáo xin được áp dụng hình phạt tiền hoặc hưởng án treo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm*:**

Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là xin được hưởng án treo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Tiến P về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tiến P, Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là mẹ bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có con nhỏ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo tự bào chữa như sau: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vi phạm lần đầu; mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, hiện đang bị bệnh nặng, bị cáo là con trai duy nhất trong gia đình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc mẹ già và con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đều bảo lưu quan điểm và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến P về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến P tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Từ khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/01/2026 đến sáng ngày 04/01/2026 tại quán B3 ở địa chỉ số A N, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Tiến P, Ngô Văn T2, Phạm Văn L, Lê Văn P1 và Nguyễn Đức T1 đã có hành vi đánh bạc thua bằng tiền dưới hình thức bài cào tố. Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.700.000 đồng, trong đó Nguyễn Tiến P bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng, Nguyễn Đức T1 bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng, Phạm Văn L bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng, T2 bỏ ra số tiền 4.100.000 đồng và Lê Văn P1 bỏ ra số tiền 1.300.000 đồng. Do đó, Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Tiến P, Nguyễn Đức T1, Phạm Văn L, Ngô Văn T2 và Lê Văn P1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính đúng đắn, ổn định của trật tự công cộng, là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt và nhân thân của các bị cáo.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó bị cáo Nguyễn Đức T1 là người trực tiếp khởi xướng và gọi điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Tiến P đánh bạc, bị cáo Nguyễn Tiến P đồng ý cùng các bị cáo Ngô Văn T2, Phạm Văn L, Lê Văn P1 tham gia đánh

bạc tại phía sau phòng bếp của quán B3 với tổng số tiền đánh bạc là 9.700.000 đồng, nên hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Tiến P, Nguyễn Đức T1, Phạm Văn L, Ngô Văn T2, Lê Văn P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến P có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, mặc dù Cấp sơ thẩm có nhận định các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là có thiếu sót, nên Cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo.

[5.3] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Tiến P, Nguyễn Đức T1, Phạm Văn L chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt; các bị cáo Ngô Văn T2, Lê Văn P1 đều có 01 tiền sự, đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng vẫn cố ý phạm tội nên bị xem là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo đều phạm tội vì mục đích tư lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để tăng cường tính răn đe của pháp luật. Cấp sơ thẩm xử phạt bổ sung đối với các bị cáo nhưng không áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự tại phần Quyết định là có thiếu sót, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[7] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến P:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy khi lượng hình Cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Tiến P phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự như đã nhận định tại phần [5.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến P cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện mẹ bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 03 con nhỏ và bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo đã nộp phạt bổ sung thể

hiện sự ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét, bị cáo Nguyễn Tiến P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, có khả năng tự cải tạo, tổng số tiền đánh bạc 9.700.000 đồng là không lớn, tính sát phạt không cao, đáp ứng đầy đủ các điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Xét, việc cho bị cáo Nguyễn Tiến P hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, giữ nguyên mức án tù có thời hạn nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[8] Ngoài ra trong vụ án này, Cấp sơ thẩm đã nhận định vai trò của từng bị cáo nhưng lại áp dụng mức hình phạt 01 năm tù cho tất cả 05 bị cáo trong vụ án là chưa phân hóa vai trò và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong vụ án này thì bị cáo Nguyễn Đức T1 là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác trong vụ án tham gia đánh bạc; bị cáo Nguyễn Tiến P là người đồng ý cho các bị cáo tham gia đánh bạc tại địa điểm do bị cáo quản lý; các bị cáo Ngô Văn T2 và Lê Văn P1 có nhân thân xấu nên mức hình phạt 01 năm tù mà Cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo này là phù hợp. Riêng bị cáo Phạm Văn L có nhân thân tốt và có số tiền đánh bạc thấp nhất trong các bị cáo, nhưng C1 sơ thẩm xử phạt bị cáo L bằng mức án của các bị cáo khác trong vụ án là không công bằng. Do đó, mặc dù bị cáo Phạm Văn L không có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng căn cứ quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo L để đảm bảo tính công bằng giữa các bị cáo trong vụ án.

[9] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Bị cáo Nguyễn Tiến P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến P. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 814/2026/HS-ST ngày 08/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến P**:** 01 (Một) năm tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến P cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Tiến P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo các Điều 82, 87 và 89 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tiến P 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Tiến P đã nộp lại số tiền phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0003475 ngày 13/8/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

2/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 09 (C2) tháng tù về tội "Đánh bạc", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 04/01/2026 đến ngày 13/01/2026.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn L 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Nguyễn Tiến P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (2)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 2; (1)
- TAND Khu vực 2; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 2; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Giang

2026HSPT50649
1 000017 563122
28.07.2026 11:11
Nguyễn Tiến Phúc & đồng phạ